TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/DS - ST
Ngày: 20-11-2023
V/v "*Tranh chấp hợp đồng mua bán* ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Trúc Phương

2. Ông Phạm Văn Động

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Ông Nguyễn Trần Đức Tuyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 và ngày 20 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2022/TLST- DS ngày 03 tháng 11 năm 2022.về việc *" Tranh chấp hợp đồng mua bán "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2023 và quyết định hoãn phiên toà số: 37/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hoàng Thị Đ, (Hường) sinh năm: 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 375, ấp B, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1970 (Vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn A, sinh năm: 1964 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn H, sinh năm: 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 375, ấp B, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2022 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị Đ trình bày:

Nguyên từ năm 2014 đến năm 2017 bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn A có đến nhà của bà Hoàng Thị Đ mua nợ cám, thức ăn để chăn nuôi heo với hình thức gối đầu khi nào bán heo sẽ thanh toán tiền, thời gian đầu ông A, bà L thanh toán đúng theo thoả thuận tính đến ngày 26 tháng 01 năm 2017 tổng cộng bà L, ông A còn thiếu bà Hoàng Thị Đ số tiền 10.660.000đ *(Mười triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng)* bà Hoàng Thị Đ có đến nhà bà L, ông A đòi rất nhiều lần nhưng ông A, bà L cứ hứa hẹn mà không chịu thanh toán.

Tại phiên toà bà Hoàng Thị Đ xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị L trả cho bà số tiền là 10.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày :

Trước đây bà L có mua cám và thức ăn chăn nuôi heo nợ của bà Hoàng Thị Đ với hình thức trả dần đến năm 2016 bà L còn nợ bà Đ số tiền 10.000.000đ sau đó bà trả cho chồng bà Đ một lần 4.000.000đ và 1 lần 6.000.000đ là hết nợ từ năm 2016 cho đến nay.

Nay bà Hoàng Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 10.660.000đ thì bà không đồng ý vì bà đã trả cho bà Đ xong từ năm 2016.

Ông Nguyễn Văn A trình bày sự việc mua bán thức căn chăn nuôi giữa vợ ông và bà Hoàng Thị Đ như thế nào thì ông không rõ ông chỉ nghe vợ ông nói lại. Vào khoảng 2015 – 2016 ông có nghe vợ ông nói lại là trả cho bà 2 Hường (Đ) làm 2 lần một lần 4.000.000đ và một lần 6.000.000đ còn việc bà Hường (Đ) có gạt sổ hay không thì vợ ông không biết.

Nay bà Đ khởi kiện tại Toà án yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền 10.660.000đ ông mong Toà án xem xét lại nếu bà Đ có giấy tờ chứng minh vợ ông ký sổ nhận nợ thì ông đồng ý trả số tiền trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H trình bày :

Ông có biết việc mua bán thức ăn chăn nuôi heo giữa vợ ông và vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị L, ông là người trực tiếp giao hàng cho bà L, ông A, ngày 13/6/2015 bà L, ông A còn nợ vợ chồng ông số tiền là 12.655.000đ đến ngày 19/7/2015 bà L có trả cho ông số tiền là 4.000.000đ tại nhà bà L, ông A. Sau đó đến ngày 22/7/2015 vợ ông có đến nhà bà L, ông A để đòi số tiền còn lại thì bà L, ông A có trả thêm 4.000.000đ và còn nợ lại số tiền 4.655.000đ. Sau đó từ ngày 25/7/2015 đến ngày 31/12/2015 bà L, ông A tiếp tục mua thêm hàng và còn nợ số tiền là 11.860.000đ, đến ngày 26/01/2017 thì bà L, ông A có trả thêm cho vợ chồng ông số tiền 1.200.000đ và còn nợ lại số tiền là 10.660.000đ từ đó cho đến nay không thanh toán.

Tại phiên toà ông thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bà Hoàng Thị Đ ông không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên

đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử thẩm phán đã vi phạm thời hạn xét xử được quy định tại Điều 203 Bộ luật dân sự. Do bị đơn không hợp tác gây khó khăn cho Thẩm phán trong quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, việc vi phạm thời hạn xét xử không ảnh hưởng đến nội dung vụ án.

Về nội dụng: Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Đ.

Đình chỉ xét xử yêu cầu tính lãi của nguyên đơn bà Hoàng Thị Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn A trả số tiền 10.000.000đ

Về án phí buộc ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị Luyện phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Hoàng Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn A trả số tiền là 10.000.000đ và yêu không yêu cầu tính lãi. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bà Hoàng Thị Đ khởi kiện bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn A, ông A, bà L có nơi cư trú tại: Tổ 09, ấp X, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Được quy định tại khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thủ tục tố tụng và triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn A.

[4] Về nội dụng: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Đ Hội đồng xét xử xét thấy bà Đ là chủ cửa hàng kinh doanh buôn bán cám và thức ăn chăn nuôi gia súc ở ấp B, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang bà Đ là người người buôn bán lâu năm ở địa phương nhằm tạo điều kiện cho những hộ gia đình chăn nuôi mua nợ cám và thức ăn chăn nuôi để phục vụ sản suất cho bà con trong ấp và những ấp lân cận. Thời gian từ năm 2014 - 2017 bà Hoàng Thị Đ có bán nợ thức ăn chăn nuôi heo và cám cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn A với hình thức gối đầu khi nào xuất chuồng bán heo thì thanh toán tiền cám và thức ăn chăn nuôi heo cho bà Đ, khi mua bán bà Đ chỉ ghi vào sổ tay mua bán để theo dõi ngày giao nhận hàng và số tiền bà L, ông A thiếu mà bà không yêu cầu ông A, bà L ký xác nhận. Thời gian đầu việc

mua bán giữa bà Đ và vợ chồng ông A, bà L diễn biến thuận lợi và hai bên thanh toán cho nhau rất đầy đủ. Đến ngày 13/6/2015 bà L, ông A còn nợ bà Đ số tiền là 12.655.000đ ngày 19/7/2015 bà L có trả cho chồng bà Đ là ông Lê Văn H số tiền là 4.000.000đ tại nhà bà L, ông A sau đó đến ngày 22/7/2015 bà Đ có đến nhà bà L, ông A để đòi số tiền còn lại thì bà L, ông A có trả thêm được 4.000.000đ và còn nợ lại số tiền 4.655.000đ. Sau đó từ ngày 25/7/2015 đến ngày 31/12/2015 bà L, ông A tiếp tục mua thêm hàng và còn nợ lại của bà Đ số tiền là 11.860.000đ, đến ngày 26/01/2017 thì bà L, ông A có trả thêm cho Đ số tiền 1.200.000đ và còn nợ lại bà Đ số tiền là 10.660.000đ từ đó cho đến nay không thanh toán, bà Hoàng Thị Đ có đến nhà bà L, ông A đòi rất nhiều lần nhưng ông A, bà L cứ hứa hẹn mà không chịu thanh toán. Bà Đ có gửi đơn đến Ban lãnh đạo ấp Thạnh An II để hoà giải tại biên bản hoà giải ngày 05/6/2022 bị đơn bà Nguyễn Thị L thừa nhận còn nợ bà Hoàng Thị Đ số tiền 10.000.000đ nhưng bà Nguyễn Thị L cho rằng đã trả xong cho bà Hoàng Thị Đ xong hiện nay không còn nợ nữa. Nguyên đơn bà Đ không thừa nhận việc bà L đã trả cho bà số tiền trên, từ đó bà Đ khởi kiện tại Toà án yêu cầu ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả cho bà số tiền 10.660.000đ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà Hoàng Thị Đ cung cấp cho Toà án sổ theo dõi mua bán hàng cho bà Nguyễn Thị L từ năm 2015 đến năm 2017. Quá trình hoà giải bị đơn bà Nguyễn Thị L thừa nhận còn nợ tiền mua cám và thức ăn chăn nuôi của bà Hoàng Thị Đ số tiền là 10.000.000đ đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 BLTTDS.

Tại phiên toà bà Hoàng Thị Đ xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tính lãi chỉ yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị L trả cho bà số tiền 10.000.000đ, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Từ những nội dung trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Đ.

[5] Xét lời khai nại của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn A cho rằng trước đây bà có mua nợ cám và thức ăn chăn nuôi heo của bà Hoàng Thì Đ để về phục vụ chăn nuôi nhỏ lẽ trong gia đình. Thời gian đầu bà thanh toán cho bà Hoàng Thị Đ đúng theo thoả thuận đến năm 2016 bà L còn nợ bà Đ số tiền 10.000.000đ sau đó bà L đã trả cho chồng bà Đ một lần 4.000.000đ và 1 lần 6.000.000đ là hết nợ, việc bà L trả nợ cho bà Đ và chồng bà Đ là ông Lê Văn H không được bà Đ và ông H thừa nhận nhưng bà L, ông A không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh là đã trả nợ xong cho bà Đ. Do đó lời khai nại của bị đơn bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn A không có cơ sở chấp nhận.

[6] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H thống nhất theo lời trình bày của bà Hoàng Thị Đ ông không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ kiện này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở nêu trên xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn A trả số tiền 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* Án phí tính như sau: 10.000.000đ x 5% = 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*).

- Yêu cầu của bà Đ được chấp nhận nên bà Đ không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho bà bà Hoàng Thị Đ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0002142 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn A phải nộp số tiền án phí 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*).

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, ,khoản 2, 4 Điều 91, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ các Điều 351,357, 430, 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Đ.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

3. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn A trả cho bà Hoàng Thị Đ số tiền 10.000.000đ *(Mười triệu đồng).*

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Yêu cầu của bà Đ được chấp nhận nên bà Đ không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho bà bà Hoàng Thị Đ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn*

đồng) đã nộp theo lai thu số 0002142 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn A phải nộp số tiền án phí 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bà Hoàng Thị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Vũ